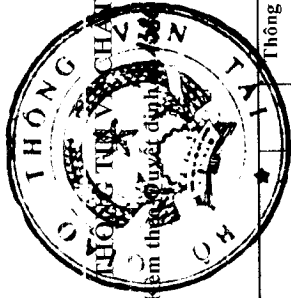


PHỤ LỤC 5

THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ MỘT SỐ TƯ VẤN

(Kèm theo Quyết định số 132/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Bộ GTVT)



A. Phần thông tin chất lượng dịch vụ Tư vấn

| TT | Tên dự án | Chủ đầu tư | Nhà thầu tư vấn | Năm | Thông tin dịch vụ TVTK thực hiện | | | | Thông tin dịch vụ TVGS thực hiện | | | | | | | | Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ | | | | |
|------------------------|---|---|---|------|----------------------------------|-----------|-----------|----------------------|----------------------------------|---|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---|---------------------|---|--|--|---------------------------------------|-------------|------------------|
| | | | | | Lập quy hoạch | Lập dự án | TK 2 bước | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng trình cấp đặc biệt hoặc công trình cấp I | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên trách, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) |
| TƯ VẤN THIẾT KẾ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án cứu hộ, cứu nạn, tránh lũ Tuy An - Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên (ĐT643) | Sở GTVT Phú Yên | Công ty CP Tư vấn xây dựng CIGI 2 (TECCO 2) | 2014 | | | V | | | | | | | | | | | V | | | |
| 3 | Dự án Xây dựng QL3 mới, đoạn Hà Nội-Thái Nguyên | Ban QLDA2 | Tổng công ty TVTK GTVT -CTCP | 2014 | | | V | | V | | | | | | | | | V | | | |
| 4 | Dự án Xây dựng QL3 mới, đoạn Hà Nội-Thái Nguyên | Ban QLDA2 | Viện Cầu và kết cấu Nhật Bản | 2014 | | | V | | V | | | | | | | | | V | | | |
| 5 | Dự án Xây dựng QL3 mới, đoạn Hà Nội-Thái Nguyên | Ban QLDA2 | Nippon Koei | 2014 | | | V | | V | | | | | | | | | V | | | |
| 6 | Đường Tuần tra Biên giới | Ban QLDA 47 | Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Giao thông Công chính Đà Nẵng | 2014 | | | V | | | | | | | | | | | V | | | |
| 7 | Dự án thành phần 1 - Dự án đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên QL60 tỉnh Bến Tre và Trà Vinh theo hình thức hợp đồng BOT | Ban QLDA7 | Tổng công ty TVTK GTVT (TEDI) | 2015 | | | V | | V | | | | | | | | | V | | | |
| 8 | Dự án thành phần 2 - Dự án đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, QL60, tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh | Ban QLDA7 | Tổng công ty TVTK GTVT (TEDI) | 2015 | | | | | V | | | | | | | | | V | | | |
| 9 | DA XDCT mở rộng QL1 đoạn Km649+700- Km657+025,89; Km663+900-Km671+228,94; Km672,54-Km717+100 thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình | Ban QLDA khu vực chuyên ngành GTVT Quảng Bình | Tổng công ty TVTK GTVT (TEDI) | 2015 | | | V | | | | | | | | | | | V | | | |
| 10 | DA ĐTXD công trình QL1 đoạn qua Km672+600- Km704+900 thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình | Công ty CP tập đoàn Trương Thịnh | Tổng công ty TVTK GTVT (TEDI) | 2015 | | | V | | | | | | | | | | | V | | | |
| 11 | DA đầu tư cải tạo, nâng cấp QL1 đoạn Km1027- Km1063+877 và Km1092+577-Km1125+00 tỉnh Quảng Ngãi | Sở GTVT Quảng Ngãi | Tổng công ty TVTK GTVT (TEDI) | 2015 | | | V | | | | | | | | | | | V | | | |

| TT | Tên dự án | Chủ đầu tư | Nhà thầu tư vấn | Năm | Thông tin dịch vụ TVTK thực hiện | | | | Thông tin dịch vụ TVGS thực hiện | | | | | | | | Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ | | | | |
|-----|--|------------------------------------|--|------|----------------------------------|-----------|----------------------------|----------------------|----------------------------------|---|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---|---------------------|---|--|--|---------------------------------------|-------------|------------------|
| | | | | | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng trình cấp đặc biệt hoặc công trình cấp | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiển trách, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) |
| 35 | Dự án mở rộng QL1 đoạn Km1153 - Km1212+400, tỉnh Bình Định (vốn TPCP) | Ban QLDA 2 | Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng giao thông 5 (trước là Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng Bắc Miền Trung) | 2014 | | | V | | V | | | | | | | | | | | V | |
| 36 | Dự án ĐT XDCT cải tạo, nâng cấp QL19 đoạn Km17+027 - Km50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định | Ban QLDA 5 | Liên danh Công ty CP tư vấn XDCT giao thông 5 - Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Bắc Miền Trung - Công ty CP xây dựng VNC | 2014 | | | V | | V | | | | | | | | | | | V | |
| 37 | Dự án ĐT XDCT cải tạo, nâng cấp QL19 đoạn Km108 - Km131+300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức hợp đồng BOT | Tổng công ty 36 | Liên danh Công ty CP tư vấn XDCT giao thông 5 - Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Bắc Miền Trung - Công ty CP xây dựng VNC | 2014 | | | V | | V | | | | | | | | | | | V | |
| 38 | Dự án Hiện đại hóa thông tin tin hiệu đường sắt các tuyến Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Đông Đăng, Hà Nội - Thái Nguyên và khu đầu mối Hà Nội | Ban QLDA Đường sắt | Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng GTVT (Tricc) | 2014 | | V | | | | | | | | | | | | | | V | |
| 39 | Dự án Hiện đại hóa thông tin tin hiệu đường sắt tuyến Vinh - Sài Gòn, tuyến ĐSTN, giai đoạn I | Ban QLDA Đường sắt | Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng GTVT (Tricc) | 2014 | | V | | | | | | | | | | | | | | V | |
| 40 | Dự án đầu tư XDCT khôi phục, cải tạo QL20 đoạn Km123+105+Km268 | Ban QLDA 85 | Công ty TNHH MTV Tư vấn và khảo sát thiết kế xây dựng (TV Trường Sơn) | 2015 | | | V | | | | | | | | | | | | | V | |
| 41 | Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn - Đất Mũi | Ban QLDA đường HCM | Công ty CP TVTK GTVT Phía Nam (TEDI SOUTH) | 2015 | | | V | | | | | | | | | | | | | V | |
| 42 | Dự án nạo vét luống Soài Rạp | Ban QLDA ĐT Nạo vét Luống Soài Rạp | Công ty CP TVXD Công trình Hàng Hải (CMB) | 2014 | | | V | | | | | | | | | | | | | V | |
| 43 | Dự án dịch vụ hàng hải, sửa chữa đóng mới tàu biển và công trình đầu khi biển | Bộ Tư lệnh Hải Quân | Công ty CP TVXD Công trình Hàng Hải (CMB) | 2014 | | | V | | | | | | | | | | | | | V | |
| 44 | Dự án TS-15 của Rô Quốc Phòng | Bộ Tư lệnh Hải Quân | Công ty CP TVXD Công trình Hàng Hải (CMB) | 2015 | | | V | | | | | | | | | | | | | V | |

| TT | Tên dự án | Chủ đầu tư | Nhà đầu tư/vấn | Năm | Thông tin dịch vụ TVTK thực hiện | | | | Thông tin dịch vụ TVGS thực hiện | | | | | | | | Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ | | | | |
|------------------------|---|--|---|------|----------------------------------|-----------|----------------------------|----------------------|----------------------------------|--|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---|---------------------|---|--|--|---------------------------------------|-------------|------------------|
| | | | | | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ưng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên tranh, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) |
| 54 | Dự án đầu tư XDCT khôi phục cải tạo QL20 đoạn Km0+ Km123 đầu tư theo hình thức BT | Liên danh Công ty Đông Mé Kông, Vren, Tổng công ty Cửu Long, VLXD số 1 | Công ty TNHH MTV Tư vấn và khảo sát thiết kế xây dựng (TV Trường Sơn) / TVTK Công ty CP Tư vấn thiết kế GTVT phía Nam (TEDI South) / TVTT | 2016 | | V | V | | | | | | | | | | | | | V | |
| 55 | Dự án đầu tư XDCT khôi phục cải tạo QL20 đoạn Km123+ Km268 đầu tư theo hình thức BOT kết hợp BT | Liên danh Tổng Cty 319- Yên Khánh - Thái Sơn | Công ty TNHH MTV Tư vấn và khảo sát thiết kế xây dựng (TV Trường Sơn) Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng công trình giao thông I - CIENCO I Công ty CP Tư vấn Kỹ thuật và Công nghệ Thạch Đình (K.Stone) | 2016 | | V | V | | | | | | | | | | | | | V | |
| 56 | Dự án đầu tư, cải tạo nâng cấp QL38 đoạn nối QL1 với QL5 qua địa phận tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương theo hình thức hợp đồng BOT. | Công ty cổ phần BOT 38 | Công ty Cổ phần TVTK Cầu đường | 2016 | | V | V | | | | | | | | | | | | | V | |
| TƯ VẤN GIÁM SÁT | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án xây dựng mới cầu vượt tại Km 995+590 tuyến đường sắt Hà Nội - TP HCM | Ban QLQDA giao thông Ninh Thuận | Viện KHCN GTVT | 2014 | | | | | | | | | | | | | | | | V | |
| 2 | Dự án xây dựng cầu Nhật Tân | Ban QLQDA 85 | Tổng công ty TVTK GTVT (TEDI) | 2014 | | | | | | | | | | | | | | | | V | |
| 3 | Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 517+950 - Km 556+00, tỉnh Hà Tĩnh | Ban QL & ĐH Dự án XDGT Hà Tĩnh | Tổng công ty TVTK GTVT (TEDI) | 2014 | | | | | | | | | | | | | | | | V | |
| 4 | Dự án xây dựng đường vành đai 3 đoạn Mai Dịch - Linh Đàm, Tp. Hà Nội | Ban QLDA Thăng Long | Công ty CP Tư vấn đường cao tốc Việt Nam (VECC) | 2014 | | | | | | | | | | | | | | | | V | |
| 5 | Dự án XD đường Hồ Chí Minh - DA cầu Năm Căn - Cà Mau | Ban QLDA đường Hồ Chí Minh | Công ty CP tư vấn đầu tư và chuyên giao công nghệ Phương Đông | 2014 | | | | | | | | | | | | | | | | V | |
| 6 | Đường QL40B và QL24 | Sở GTVT Quảng Nam | Công ty CP TVTK Xây dựng GTCC Đà Nẵng | 2014 | | | | | | | | | | | | | | | | V | |

| TT | Tên dự án | Chủ đầu tư | Nhà thầu tư vấn | Năm | Thông tin dịch vụ TVTK thực hiện | | | | Thông tin dịch vụ TVGS thực hiện | | | | | | | | | Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ | | | | |
|-----|---|-------------------------------|--|------|----------------------------------|-----------|-----------|----------------------|----------------------------------|--|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---|---------------------|---|--|--|---------------------------------------|-------------|------------------|--|
| | | | | | Lập quy hoạch | Lập dự án | TK 2 bước | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Dược Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên trích, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | |
| 7 | Dự án mở rộng QL1 qua tỉnh Ninh Thuận (vốn TPCP) | Ban ATGT | Công ty CP Tư vấn giám sát chất lượng công trình Thăng Long | 2014 | | | | | | | V | | | | | | | | | V | | |
| 8 | Dự án mở rộng QL1 qua tỉnh Bình Thuận (vốn TPCP) | Ban QLDA 1 | Liên danh TEDIS và Trung tâm kỹ thuật đường bộ 3 | 2014 | | | | | | | V | | | | V | | | | | V | | |
| 9 | Dự án cải tạo nền, mặt đường QL1 đoạn Phan Thiết - Đồng Nai (BOT) | Tổng công ty 319 | Công ty CP Tư vấn giám sát chất lượng công trình Thăng Long | 2014 | | | | | | | V | | | | | | | | | V | | |
| 10 | Dự án xây dựng cầu Đồng Nai và tuyến hai đầu cầu (ROT) | Công ty CP ĐT&XD cầu Đồng Nai | Công ty CP Tư vấn thiết kế Cầu lớn - Hàm | 2014 | | | | | | | V | | | | | | | | | V | | |
| 11 | Dự án khôi phục, cải tạo QL20 | Công ty CP BT 20 - Cửu Long | Viện KHCN GTVT (Trung tâm TV ĐT PTCSSH GTVT) | 2014 | | | | | | | V | | | | | | | | | V | | |
| 12 | Dự án nâng cấp QL50 | Ban QLDA 7 | Trung tâm kỹ thuật Đường bộ 3 | 2014 | | | | | | | V | | | | | | | | | V | | |
| 13 | Dự án nâng cấp QL91, đoạn Châu Đốc - Tịnh Biên | Ban QLDA 7 | Công ty CP TVXDGT 8 | 2014 | | | | | | | | V | | | | | | | | V | | |
| 14 | Dự án mở rộng QL1 đoạn Km1153 - Km1212+400, tỉnh Bình Định (vốn TPCP) | Ban QLDA 2 | Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình giao thông 2 (TECCO2 - TEDI) | 2014 | | | | | | | | | | | | | | | | V | | |
| 15 | Dự án mở rộng QL1 đoạn Km1125 - Km1153, tỉnh Bình Định | Công ty CP BOT Bắc Bình Định | Trung tâm kỹ thuật Đường bộ 3 (RTC3) | 2014 | | | | | | | V | | | | V | | | | | V | | |
| 16 | Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (QL14) đoạn Cầu 38 - Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước | Ban QLDA đường HCM | Công ty TNHH tư vấn xây dựng NMS | 2014 | | | | | | | V | | | | | | | | | | V | |
| 17 | Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Kon Tum - Pleiku, Gói thầu số 1 | Ban QLDA đường HCM | Văn phòng TVGS QCI | 2014 | | | | | | | V | | | | | | | | | V | | |
| 18 | Dự án ĐTXD Công trình cầu Việt Trì mới | Công ty CP BOT cầu Việt Trì | Tổng công ty TVTK GTVT (TEDI) | 2015 | | | | | | | V | | | | V | | | | | | V | |
| 19 | Dự án ĐTXDCT mở rộng QL1, đoạn Km649+700 - Km657+025,89 và Km663+900 - Km671+228,94 và Km672+821,54 - Km671+100, qua địa phận tỉnh Quảng Bình | Sở GTVT Quảng Bình | Viện KHCN GTVT | 2015 | | | | | | | | | | | V | | | | | | V | |

| TT | Tên dự án | Chủ đầu tư | Nhà thầu tư vấn | Năm | Thông tin dịch vụ TVTK thực hiện | | | | | | Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|---|--|--|------|----------------------------------|-----------|----------------------------|----------------------|---------------------|--|---|--------------------------------|-----------------------------------|---|---------------------|---|--|--|---------------------------------------|-------------|------------------|------|------|------|------|------|
| | | | | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) |
| 31 | Dự án cải tạo nâng cấp QL1 đoạn Hà Nội - Bắc Giang theo hình thức BOT | Ban QLDA 2 | Công ty CP Tư vấn Xây dựng công trình giao thông 2 (TECCO2 - TEDI) | 2015 | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTG (nêu TK 2 bước) | BVTG (nêu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tư vấn gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bị khiển trách, phê bình bằng văn bản | Bị cảnh cáo | Bị phạt hợp đồng | | | | | |
| 32 | Dự án cải tạo nâng cấp QL1 đoạn Hà Nội - Bắc Giang theo hình thức BOT | Ban QLDA 2 | Công ty CP Tư vấn thí nghiệm công trình giao thông 1 (COMATEC1) | 2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 33 | Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh qua tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông | Ban QLDA | Công ty CP tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ Phương Đông | 2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 34 | Dự án đầu tư Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Tân Cảnh - Kon Tum | BQL dự án I - Sở GTVT Kon Tum | Công ty TNHH tư vấn xây dựng cầu đường Kon Tum | 2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 35 | Dự án mở rộng QL1 qua tỉnh Bình Thuận (vốn TPCP) | Ban QLDA 1 | Liên danh TEDIS và Trung tâm kỹ thuật đường bộ 3 | 2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 36 | Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km1392-Km1405 | Ban QLDA 7 | Công ty CP Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải 4 | 2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 37 | Dự án ĐTXDCCT cải tạo, nâng cấp QL38 đoạn nối QL1 với QL5 qua địa phận tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương theo hình thức hợp đồng BOT | Công ty CP BOT 38 | Viện KH-CN GTVT | 2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 38 | Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, Tp.Hà Nội theo hình thức hợp đồng BOT (giai đoạn 1) | Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ | Viện KH-CN GTVT | 2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 39 | Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long (Dự án WB5) | Ban QLDA Đường thủy | Tổng công ty TVTK GTVT (TEDI) | 2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 40 | Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, Tp.Hà Nội theo hình thức hợp đồng BOT (giai đoạn 1) | Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ | Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng CTGT miền Bắc (TEDI North) | 2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 41 | Dự án cải tạo, nâng cấp QL1 đoạn Hà Nội- Bắc Giang theo hình thức hợp đồng BOT | Công ty CP đầu tư BOT Hà Nội- Bắc Giang | Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình giao thông 2 (TECCO2 -TEDI) | 2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 42 | Dự án ĐTXD công trình nâng cấp, cải tạo QL1 đoạn Hà Nội - Bắc Giang theo hình thức hợp đồng BOT, Gói thầu XL03 | Công ty CP đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang | Công ty CP Tư vấn thí nghiệm công trình giao thông 1 | 2015 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Tên dự án | Chủ đầu tư | Nhà thầu tư vấn | Năm | Thông tin dịch vụ TVTK thực hiện | | | | | | Thông tin dịch vụ TVGS thực hiện | | | | | | Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ | | | | | | | | |
|----|--|---------------------------------------|--|------|----------------------------------|-----------|----------------------------|----------------------|---------------------|--|----------------------------------|-------------------|--------------|---------------------|---------------|------------------|---|---------------------|---|--|--|---------------------------------------|-------------|------------------|--|
| | | | | | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | | | | |
| 43 | Dự án cải tạo nâng cấp QL91 đoạn Km14+00 - Km50+889 theo hình thức BOT | Công ty CPĐT QL91 Cảnh Thơ - An Giang | Liên danh Công ty CP kiểm định xây dựng IDICO với VINACONTROL và Viên Công nghệ xây dựng cầu đường phía Nam | 2015 | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | trình cấp I | Nhóm B và có Công | trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công | trình cấp III | Nhóm C hoặc Công | trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bị khiển trách, phê bình bằng văn bản | Bị cảnh cáo | Bị phạt hợp đồng | |
| 44 | Dự án ĐTXDCT QL1 đoạn tránh thị trấn Cai Lậy và tăng cường mặt đường đoạn Km1987 +560 - Km2014+00, tỉnh Tiền Giang theo hình thức Hợp đồng BOT | Công ty TNHH Đầu tư QL1 Tiền Giang | Liên danh Công ty CP Tư vấn đầu tư IDICO - Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng CTGT miền Bắc (TEDI North) | 2015 | | | | | | | trình cấp I | Nhóm B và có Công | trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công | trình cấp III | Nhóm C hoặc Công | trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bị khiển trách, phê bình bằng văn bản | Bị cảnh cáo | Bị phạt hợp đồng | |
| 45 | Dự án ĐTXDCT QL1 đoạn tránh thị trấn Cai Lậy và tăng cường mặt đường đoạn Km1987 +560 - Km2014+00, tỉnh Tiền Giang theo hình thức Hợp đồng BOT | Công ty TNHH Đầu tư QL1 Tiền Giang | Liên danh Phòng Thi nghiệm trọng điểm đường bộ III (Viện KHCN GTVT) - Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng CTGT miền Bắc (TEDI North) | 2015 | | | | | | | trình cấp I | Nhóm B và có Công | trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công | trình cấp III | Nhóm C hoặc Công | trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bị khiển trách, phê bình bằng văn bản | Bị cảnh cáo | Bị phạt hợp đồng | |
| 46 | Dự án ĐTXD công trình luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào Sông Hậu. Gói thầu 6A và gói thầu số 6 | Ban QLDA Hàng hải | Viện Kỹ thuật Công trình - Trường Đại học Thủy Lợi Hà Nội | 2015 | | | | | | V | trình cấp I | Nhóm B và có Công | trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công | trình cấp III | Nhóm C hoặc Công | trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bị khiển trách, phê bình bằng văn bản | Bị cảnh cáo | Bị phạt hợp đồng | |
| 47 | Dự án cải tạo nâng cấp QL1 đoạn Km1063+877-Km1062+577 tỉnh Quảng Ngãi | Công ty TNHH BOT Thiên Tân - Thanh An | Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Cầu - đường Quảng Ngãi | 2015 | | | | | | | trình cấp I | Nhóm B và có Công | trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công | trình cấp III | Nhóm C hoặc Công | trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bị khiển trách, phê bình bằng văn bản | Bị cảnh cáo | Bị phạt hợp đồng | |
| 48 | Dự án Hàm đường bộ Phước Tương Phú Gia, trên QL1A, tỉnh Thừa Thiên Huế | Công ty CP Phước Tương - Phú Gia BOT | Công ty Cổ phần Tư vấn thi nghiệm CTGT 1 | 2015 | | | | | | | trình cấp I | Nhóm B và có Công | trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công | trình cấp III | Nhóm C hoặc Công | trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bị khiển trách, phê bình bằng văn bản | Bị cảnh cáo | Bị phạt hợp đồng | |
| 49 | Dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa và bổ sung hệ thống thoát nước mặt đường tại các vị trí cấp bách trên các Quốc Lộ | Tổng cục ĐBVN | Công ty cổ phần Sơn Hải | 2016 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 50 | Dự án đầu tư xây dựng hệ thống an toàn giao thông giữa đường sắt và đường bộ/Gói 24 | Ban QLDA 5 | Công ty CP TVTK CTGT Miền bắc | 2016 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Tên dự án | Chủ đầu tư | Nhà thầu tư vấn | Năm | Thông tin dịch vụ TVTK thực hiện | | | | Thông tin dịch vụ TVGS thực hiện | | | | | | | Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ | | | | | | |
|-----|--|---|---|------|----------------------------------|-----------|----------------------------|----------------------|----------------------------------|--|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---|---------------------|---|--|--|---------------------------------------|-------------|------------------|--|
| | | | | | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên trích, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | |
| 51 | Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, QL 60, Tỉnh Bến Tre và Trà Vinh theo hình thức hợp đồng BOT | Ban QLDA 7 | Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình 625 | 2016 | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên trích, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng | |
| 52 | Dự án thành phần 2: Xây dựng đường dẫn và các cầu trên tuyến cầu Cổ Chiên, QL 60, tỉnh Bến Tre và Trà Vinh | Ban QLDA 7 | Trung tâm kỹ thuật đường bộ 3 | 2016 | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên trích, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng | |
| 53 | Gói thầu CS2/ Nâng cao an toàn cầu đường sắt trên tuyến Hà Nội - Tp.Hồ Chí Minh | Ban QLDA Đường Sắt | Viện Kết cấu cầu Nhật Bản - JBSI | 2016 | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên trích, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng | |
| 54 | Dự án đầu tư XDCT khôi phục, cải tạo QL20 đoạn Km123+105 - Km268 theo hình thức hợp đồng BOT | Liên danh NDT: Tổng Cty 319- Yên Khánh - Thái Sơn | Công ty cổ phần Tư vấn 6 (trước là Công ty CP Tư vấn 497) | 2016 | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên trích, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng | |
| 55 | Tiểu dự án xây dựng hầm chui Trung Hòa Hà Nội | BỘ GTVT | Liên danh Tư vấn OC-TEDI-APECO-ITST | 2016 | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên trích, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng | |
| 56 | Tiểu dự án xây dựng hầm chui Thanh Xuân - TP Hà Nội | BỘ GTVT | Liên danh Tư vấn OC-TEDI-APECO-ITST | 2016 | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên trích, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng | |
| 57 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình qua địa phận tỉnh Hưng Yên (Dự án TP1) | Sở GTVT Hưng Yên | Công ty cổ phần TVXD công trình giao thông 2 | 2017 | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên trích, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng | |
| 58 | Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình qua địa phận tỉnh Hà Nam (Dự án TP2) | Sở GTVT Hà Nam | Công ty CP TVTK CTGT Miền bắc | 2017 | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bi khiên trích, phê bình bằng văn bản | Bi cảnh cáo | Bi phạt hợp đồng | |
| III | TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

- Sản phẩm của tổ chức tư vấn có sai sót về chất lượng sẽ bị trừ điểm theo quy định tại Quyết định số 4298/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2015.
- I rương hợp tổ chức tư vấn bị Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền phê bình, khiển trách bằng văn bản thì bị trừ đi 20% số điểm của dự án đó.

| TT | Tên dự án | Chủ đầu tư | Nhà thầu tư vấn | Năm | Thông tin dịch vụ TVTK thực hiện | | | | | | Thông tin dịch vụ TVGS thực hiện | | | | | | | | Thông tin bổ sung về chất lượng dịch vụ | | | | |
|-----|-----------|------------|-----------------|-----|----------------------------------|-----------|----------------------------|----------------------|---------------------|--|----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---|---------------------|---|--|--|---|-------------|------------------|--|--|
| | | | | | Lập quy hoạch | Lập dự án | TKKT, BVTC (nếu TK 2 bước) | BVTC (nếu TK 3 bước) | Liên danh, thầu phụ | Quan trọng quốc gia hoặc công trình cấp đặc biệt | Nhóm A hoặc có Công trình cấp I | Nhóm B và có Công trình cấp II | Nhóm B hoặc có Công trình cấp III | Nhóm C hoặc Công trình cấp IV trở xuống | Liên danh, thầu phụ | Tỷ trọng gói thầu xây lắp được TVGS trong dự án | Ứng dụng công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sáng kiến có hiệu quả thiết thực | Được Bộ hoặc cấp tương đương trở lên khen thưởng | Bị khiển trách, phê bình bằng văn bản | Bị cảnh cáo | Bị phạt hợp đồng | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18) | (19) | (20) | (21) | (22) | | |

- Trường hợp do lỗi của tổ chức tư vấn mà dẫn đến công trình có khiếm khuyết về chất lượng thì ngoài việc phải xử lý khắc phục hậu quả theo quy định và không tính điểm cho dự án, công trình đó còn bị trừ đi 15% tổng số điểm đạt được ở mục K& khai chi tiết các dự án (trừ điểm liên tục trong 03 năm kể từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền).

- Trường hợp tương các kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán có kết luận các sai sót thuộc trách nhiệm của tổ chức tư vấn thì sẽ bị xem xét trừ điểm tương ứng với hình thức bị cảnh cáo đối với dự án, công trình đó (bắt đầu tính từ năm 2016).

| TT | Tên dự án | Chủ đầu tư | Nhà thầu tư vấn | Đạt giải thưởng | | | Bị xử lý vi phạm | | | | | | Công trình có khiếm khuyết về chất lượng | Mô tả tóm tắt lý do được thưởng/xử lý vi phạm |
|-----|--|-------------------------|-------------------------|--------------------------------|------------------------------------|--------------|----------------------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------------|--|---|
| | | | | Giải công trình chất lượng cao | Giải thưởng quốc gia về chất lượng | Năm đạt giải | Năm bị xử lý vi phạm | Bị chấm dứt hợp đồng do vi phạm | Bị cấm tham gia đấu thầu | Bị xử công trình cấp III | Bị xử công trình cấp II | Bị xử công trình cấp I trở lên | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| 11 | Dự án ĐTXDCT mở rộng QL1 đoạn Km649+700 - Km657+205.89; Km663+900 - Km671+228.94; Km672+821.54 - Km717+100 tỉnh Quảng Bình | Sở GTVT tỉnh Quảng Bình | Viên KHCN GTVT / (TVGS) | V | | 2016 | | | | | | | | |

Ghi chú:

- Sản phẩm của tổ chức tư vấn có sai sót về chất lượng sẽ bị trừ điểm theo quy định tại Quyết định số 4298/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2015.
- Trường hợp tổ chức tư vấn bị Chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền phê bình, khiển trách bằng văn bản thì bị trừ đi 20% số điểm của dự án đó.
- Trường hợp do lỗi của tổ chức tư vấn mà dẫn đến công trình có khiếm khuyết về chất lượng thì ngoài việc phải xử lý khắc phục hậu quả theo quy định và không tính điểm cho dự án, công trình đó còn bị trừ đi 15% tổng số điểm đạt được ở mục Kế khai chi tiết các dự án (trừ điểm liên tục trong 03 năm kể từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền).

